

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HN&GD-ST

Ngày: 17 - 5 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Văn Thuận.
2. Bà Đinh Thị Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2021/TLST-HN&GD, ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HN&GD, ngày 08 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2021/QĐST- HN&GD, ngày 23/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Yến D, sinh năm: 1992;

HKTT: Số nhà 43, đường Nguyễn Thông, tổ 2, khu phố 2, thị trấn ĐT, huyện ĐL, tỉnh BT. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1990;

Nơi cư trú: Số nhà 131, đường ĐT 766, tổ 6, thôn 3, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh BT. Vắng mặt lần thứ 2.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” lập ngày 25/01/2021, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc trình bày của chị Lê Thị Yến D thể hiện:

**Về hôn nhân:** Chị và anh Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh BT. Giấy chứng nhận kết hôn số: 119/2012, quyền số: 01/2012, đăng ký ngày 07/12/2012. Trong đời sống hôn nhân, chị và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là tính tình của cả 2 không hợp nhau, thiếu sự thấu hiểu và thông cảm cho nhau. Cho nên thường xuyên cãi vã thậm chí dẫn đến xô xát. Từ đó chị và anh C đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với anh C nữa. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

**Về con chung:** Trong thời gian chung sống, chị với anh C có với nhau 02 người con chung: Nguyễn Lê Bảo KH, sinh ngày 17/02/2011 và Nguyễn Lê Bảo TR, sinh ngày 19/11/2014. Cả 02 cháu hiện đang sống với chị, chị yêu cầu giải quyết quyền được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung và yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho 01 người con. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị đã tự nguyện hạ yêu cầu mức cấp dưỡng xuống còn 1.000.000đ/tháng/con.

**Về tài sản chung và nợ chung:** Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Suốt trong quá trình tố tụng vụ án cũng như thời gian mở phiên tòa, bị đơn – anh Nguyễn Văn C không tham gia, mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các loại văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Năm 2012 chị Lê Thị Yến D kết hôn với anh Nguyễn Văn C, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH. Cuộc sống vợ chồng giữa chị D với anh C không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không hợp tính tình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị D và anh C đã sống ly thân từ tháng 02 đến nay. Từ đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh C đã thực sự nghiêm trọng, không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 19 và khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ. Về con chung: Tại phiên tòa, chị D tự nguyện thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 1.500.000đ/tháng/con xuống còn 1.000.000đ/tháng/con. Xét thấy, yêu cầu của chị D là hoàn toàn phù hợp với thực tế. Cháu KH hơn 7 tuổi có nguyện vọng ở với chị D. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị D, yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các con đủ 18 tuổi căn cứ theo quy định tại Điều 58, 81, 82 Luật HNGĐ 2014.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 25/01/2021, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh C vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, là trường hợp được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa

[4] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Yến D và anh Nguyễn Văn C có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH. Giấy chứng nhận kết hôn số: 119/2012, quyển số: 01/2012, đăng ký ngày 07/12/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình anh, chị không hòa hợp, không hiểu, thông cảm và chia sẻ cho nhau. Dẫn đến đời sống vợ chồng không êm thấm, thường xuyên xảy ra cãi vã, gây gổ, thậm chí dẫn đến xô xát. Trong quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau, nhưng anh C không tham gia, kết quả hòa giải không thành. Hiện tại anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 đến nay. Mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm, chia sẻ với ai. Tại phiên tòa chị D xác định không còn tình cảm yêu thương gì với anh C nữa, chị nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị D với anh C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung: Nguyễn Lê Bảo KH, sinh ngày 17/02/2011 và Nguyễn Lê Bảo TR, sinh ngày 19/11/2014 và yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000đ/tháng. Hội

đồng xét xử thấy yêu cầu của chị D là yêu cầu hoàn toàn chính đáng, không trái với quy định của pháp luật. Phù hợp nguyện vọng của cháu KH, phù hợp với điều kiện sinh hoạt thực tế tại địa phương. Do vậy, thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị D là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh C phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa chị Lê Thị Yên D và anh Nguyễn Văn C là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị D thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử.***

- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Lê Thị Yến D.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Yến D ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Yến D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung có tên: Nguyễn Lê Bảo KH, sinh ngày 17/02/2011 và Nguyễn Lê Bảo TR, sinh ngày 19/11/2014.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lê Thị Yến D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh C.

Chị Lê Thị Yến D trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị D, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng/con, cấp dưỡng hàng tháng bắt đầu từ tháng 6/2021 đến khi các con tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Lê Thị Yến D có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền mà anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng anh C còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Yến D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị D đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005214, ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

**5.** Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/5/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú. (đã giải thích).

**6.** Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã Đức Hạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đức**